

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2018/ HNGĐ-ST

Ngày 31 - 7 - 2018

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI- TỈNH YÊN BÁI
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên toà:* ông Vàng A Xay
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. ông Phạm Tiến Lâm
 - 2. ông Phạm Đức Thịnh

Thư ký phiên toà: ông Hoàng Vũ Công - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải: bà Vũ Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/ 4/ 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Sùng Thị D** sinh năm 1989; trú tại: bản M, xã M, huyện M, tỉnh Y - có mặt.
2. *Bị đơn:* anh **Mùa A V** sinh năm 1988; trú tại: bản M, xã M, huyện M, tỉnh Y - có mặt.
3. *Người phiên dịch tiếng Mông:* ông Lý A Đà - cán bộ Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018 và biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 5 năm 2018, nguyên đơn là chị Sùng Thị D trình bày: chị và anh Mùa A V chung sống như vợ chồng từ năm 2007, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng chưa đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là anh V không chịu làm ăn có hành vi bạo lực trong gia đình, thường xuyên đánh chửi chị, hai người không thể hoà hợp

được với nhau trong cuộc sống. Đến nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai khai ngày 13/6/2018 bị đơn là anh Mùa A V thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Sùng Thị D lấy nhau nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2007, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bản thân anh nghiện ma túy. Khi mâu thuẫn xảy ra hai vợ chồng đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không thành, nay chị D làm đơn xin ly hôn, anh V vẫn thấy còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn theo như nguyện vọng của chị D.

Về con chung: chị Sùng Thị D và anh Mùa A V khai thống nhất có 03 con chung là Mùa Thị S, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008; Mùa Thị C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2011 và Mùa A T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2014. Nếu ly hôn anh V đề nghị được nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tại UBND xã M ngày 06 tháng 7 năm 2018 thể hiện: Về quan hệ hôn nhân chị D và anh V không có đăng ký kết hôn, về con chung có 03 con chung; bản thân anh V là người nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình vợ con.

Tại phiên Toà các đương sự trình bày nội dung như trong đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai. Về con chung chị Sùng Thị D và anh Mùa A V thoả thuận thống nhất được với nhau là chị Sùng Thị D sẽ trực tiếp nuôi con Mùa Thị S còn anh Mùa A V sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Mùa Thị C và Mùa A T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đưa ra quan điểm xử lý toàn bộ vụ án và nhận định: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, các đương sự chấp hành đầy đủ nội quy, quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Sùng Thị D và anh Mùa A V là vợ chồng và giải quyết việc nuôi con theo sự thoả thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Sùng Thị D và bị đơn Mùa A V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị có 03 con chung là Mùa Thị S, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008; Mùa Thị C, sinh ngày

06 tháng 8 năm 2011 và Mùa A T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2014. Những tình tiết trên các đương sự khai thống nhất nên Toà án căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự kết luận đó là sự thực.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh V có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị D và anh V là không hợp pháp. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Mùa A V.

2. Về con chung: Tại biên bản lấy lời khai chị Sùng Thị D vào ngày 25/5/2018; biên bản lấy lời khai anh Mùa A V ngày 13/6/2018 chị D và anh V khai thống nhất có 03 con chung là: Mùa Thị S, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008; Mùa Thị C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2011 và Mùa A T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2014. Tại phiên toà, các đương sự đồng ý thoả thuận và thống nhất về việc nuôi con chung là: chị Sùng Thị D sẽ trực tiếp nuôi con Mùa Thị S còn anh Mùa A V sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Mùa Thị C và Mùa A T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về án phí: chị Sùng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1) Tuyên bố không công nhận chị Sùng Thị D và anh Mùa A V là vợ chồng.

2) Về con chung: chị Sùng Thị D sẽ trực tiếp nuôi con Mùa Thị S, sinh ngày 14/8/2008; anh Mùa A V sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Mùa Thị C, sinh ngày 06/8/2011 và Mùa A T, sinh ngày 19/01/2014, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Sùng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số: AA/2013/01209 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mù Cang Chải. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã Mồ, huy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vàng A Xay